

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày : 17 – 01 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng V

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Bà Phan Thị P.

2. Ông Nguyễn Văn G.

- Thư ký phiên tòa:

+ Ông Nguyễn Nguyên H – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện CP;

+ Ông Huỳnh Thanh C – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 175/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 476/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 5/4, tổ 13, ấp Phú Bằng, xã AL, huyện PG, tỉnh BD.(có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ An Q, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp Bình Phú, xã BT, huyện CP, tỉnh AG, (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn bà P trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Q tự tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã BT, huyện CP, tỉnh AG. Cuộc sống ban đầu hạnh phúc nhưng dần về sau, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, nhiều lần hàn gắn, nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục. Đã ly thân từ tháng 9/2019 cho đến

nay. Nhận thấy cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q có một con chung tên Võ Nguyễn Gia K, sinh ngày 03/4/2018. Hiện nay cháu K đang sống cùng ông Q. Sau khi ly hôn bà đồng ý giao cháu K cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn: Ông Võ An Q được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để tham gia các tiến trình tố tụng của Tòa thực hiện theo quy định pháp luật. Ngày 17/8/2022 ông Q gửi tờ tường trình có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, ông đồng ý ly hôn với bà P, ông yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, về phần tài sản chung ông yêu cầu bà P chia tài sản chung là 70.000.000đ. Tòa án nhân dân huyện CP ra Thông báo cho ông về việc thực hiện yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng ông không thực hiện.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà P có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Q: Vắng mặt tại phiên Tòa.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Bà P và ông Q có đăng ký kết hôn, hôn nhân hợp pháp;

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa. Qua đó cho thấy đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

+ Về con chung: Bà P và ông Q có một con chung tên Võ Nguyễn Gia Khiêm, sinh ngày 03/4/2018. Hiện nay cháu Khiêm đang sống cùng ông Q. Sau khi ly hôn bà P đồng ý giao cháu Khiêm cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng và bà P không cấp dưỡng nuôi con chung, Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà P.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Do ông Q cư trú tại xã BT, huyện CP, tỉnh AG, nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà P, thấy rằng:

+ Bà P và ông Q có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà P trình bày, vợ chồng chung sống hòa thuận thời gian đầu nhưng về sau có nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, lý do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn thì được ông Võ Văn Luông (cha ruột ông Q) cung cấp thông tin mâu thuẫn ra sao thì ông không rõ nhưng Q đã bỏ Bình Dương về nhà tôi sống từ năm 2019 cho đến nay. Tại địa phương cung cấp thông tin là giữa bà P và ông Q có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ.

Xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông Q thực tế là có phát sinh mâu thuẫn, trong thời gian hơn hai năm không sống cùng nhau các bên không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng với nhau. Bà P kiên quyết yêu cầu được ly hôn, ông Q có ý kiến đồng ý yêu cầu ly hôn của bà P, chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa hai người đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

+ Về con chung: Bà P và ông Q có một con chung tên Võ Nguyễn Gia K, sinh ngày 03/4/2018. Hiện nay cháu K đang sống cùng ông Q. Sau khi ly hôn bà P đồng ý giao cháu K cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q có ý kiến đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Để đảm bảo ổn định cho cuộc sống của cháu K, Hội đồng xét xử chấp thuận giao cháu K cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Q không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do bà là người yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Võ An Q.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 18 cấp ngày 21 tháng 02 năm 2018 của UBND xã BT, huyện CP, AG không còn giá trị pháp lý, khi bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Nguyễn Gia K, sinh ngày 03/4/2018 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu Gia K đang sống cùng bà ông Q. Ông Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà P thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Q không yêu cầu.

(Việc trực tiếp nuôi con chưa đủ 18 tuổi và việc cấp dưỡng nuôi con không có định, có thể thay đổi theo quy định của pháp luật.)

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0003715 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP nên không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG; (1)
- VKSND huyện CP; (1)
- CCTHADS huyện CP; (1)
- Đường sự; (2)
- UBND xã BT (1);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT. (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng V